

1,66%/tháng tính từ ngày 10/9/2024 đến 10/3/2026 là 18 tháng x 52.000.000 đồng x 1,66%/tháng là 15.537.600 đồng.

+ Ngày 07/4/2024 A, ông S và bà C vay số tiền 50.000.000 đồng, đã trả được 20.000.000 đồng. Yêu cầu trả vốn còn lại là 30.000.000 đồng, rút yêu cầu tính lãi phần này.

Các khoản vay của ông S và bà C đã đến hạn trả tiền từ rất lâu, đòi rất nhiều lần nhưng ông S và bà C chỉ hứa mà không thực hiện.

Do đó, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H vấn đề sau:

Yêu cầu ông Đỗ Văn S và bà Lương Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 0,83%/tháng tính từ 03/7/2024 DL đến khi xét xử sơ thẩm, tính tròn 20 tháng lãi là 0.83%/tháng x 150.000.000 đồng x 20 tháng là 24.900.000 đồng.

Yêu cầu ông Đỗ Văn S và bà Lương Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 40.000.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi.

Yêu cầu ông Đỗ Văn S và bà Lương Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 52.000.000 đồng, lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 10/9/2024 đến 10/3/2026 là 18 tháng x 52.000.000 đồng x 1,66%/tháng là 15.537.600 đồng.

Yêu cầu ông Đỗ Văn S và bà Lương Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 30.000.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi.

Như vậy, bà Lê Thị Lệ H yêu cầu ông Đỗ Văn S và bà Lương Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền vốn vay là 272.000.000 đồng và tiền lãi là 40.437.600 đồng.

Ngay sau khi ông C và bà S trả nợ cho bà H, bà H sẽ trả lại Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 122, tờ bản đồ số 11, diện tích 1339,1m², đất chuyên trồng lúa nước, đất tại ấp D, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02587 ngày 31/12/2024 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp cho ông Đỗ Văn S kèm Trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Yêu cầu thực hiện trả nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, không trình bày hay yêu cầu gì thêm khác.

* Bị đơn ông Đỗ Văn S và bà Lương Thị C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Lệ H.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Lệ H. Đình chỉ yêu cầu tính lãi của bà H đối với số nợ 40.000.000 đồng và 30.000.000 đồng. Bà H tự nguyện trả lại Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 122, tờ bản đồ số 11, diện tích 1339,1m², đất chuyên trồng lúa nước, đất tại ấp D, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02587 ngày 31/12/2024 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp cho ông Đỗ Văn S kèm Trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Thị Lệ H có đại diện ủy quyền là anh Phạm Duy M có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Đỗ Văn S và bà Lương Thị C vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

[3] *Về nội dung*: Yêu cầu ông Đỗ Văn S và bà Lương Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 0,83%/tháng tính từ 03/7/2024 DL đến khi xét xử sơ thẩm, tính tròn 20 tháng lãi là $0,83\%/tháng \times 150.000.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ tháng}$ là 24.900.000 đồng. Yêu cầu ông Đỗ Văn S và bà Lương Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 40.000.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi. Yêu cầu ông Đỗ Văn S và bà Lương Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 52.000.000 đồng, lãi suất 1,66%/tháng tính từ 10/9/2024 đến 10/3/2026 là $18 \text{ tháng} \times 52.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/tháng$ là 15.537.600 đồng. Yêu cầu ông Đỗ Văn S và bà Lương Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 30.000.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà H có đại diện ủy quyền anh M yêu cầu ông S và bà C có nghĩa vụ trả số tiền vốn 180.000.000 đồng: Bà H cung cấp 01 biên nhận tờ thể chấp thể hiện ông S và bà C có vay của bà H số tiền 150.000.000 đồng, ông S, bà C ký và ghi họ tên biên nhận và ông bà có vay thêm số tiền 50.000.000 đồng, đã trả 20.000.000 đồng. Do đó số tiền mà ông S, bà C vay 200.000.000 đồng, đã trả được số tiền 20.000.000 đồng nên ông S, bà C còn nợ 180.000.000 đồng.

Bà H có đại diện ủy quyền anh M yêu cầu ông S và bà C có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay 40.000.000 đồng. Bà H cung cấp 01 biên nhận thể hiện số tiền vay 35.000.000 đồng bà C ký tên xác nhận và vay số tiền 5.000.000 đồng trong cùng biên nhận. Tổng cộng ông S, bà C nợ 40.000.000 đồng.

Bà H có đại diện ủy quyền anh M yêu cầu ông S và bà C có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay 52.000.000 đồng. Bà H cung cấp 01 biên nhận thể hiện số tiền vay 52.000.000 đồng bà C ký tên xác nhận nên bà H yêu cầu ông S, bà C trả số tiền 52.000.000 đồng.

Phía bà H đã cung cấp được bản chính các hợp đồng vay tiền của số tiền nợ nêu trên, có chữ ký, chữ viết của ông S và bà C. Tuy nhiên, phía bị đơn ông S và bà C đã vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án, từ đó cho thấy ông S và bà C đã từ chối quyền chứng minh của mình. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi:

Bà H có đại diện ủy quyền anh M yêu cầu buộc ông S và bà C có nghĩa vụ trả lãi số tiền 150.000.000 đồng với lãi suất 0,83%/tháng do khi cho vay thì biên nhận không có thể hiện lãi suất vay, lãi suất từ ngày 03/7/2024 DL đến khi xét xử sơ thẩm, tính tròn 20 tháng lãi là $0,83\%/tháng \times 150.000.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ tháng}$ là 24.900.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với số tiền vay 52.000.000 đồng có thể hiện lãi suất vay nên đại diện ủy quyền của bà H yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng

tính từ ngày 10/9/2024 đến 10/3/2026 là 18 tháng x 52.000.000 đồng x 1,66%/tháng là 15.537.600 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như phân tích ở trên, ông S và bà C có nghĩa vụ trả cho bà H tổng cộng là 312.437.600 đồng (Trong đó số tiền vốn vay là 272.000.000 đồng và tiền lãi là 40.437.600 đồng).

Bà H rút lại yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền 35.000.000 đồng, 5.000.000 đồng (Biên nhận tiền không có ghi ngày tháng năm), số tiền 30.000.000 đồng (biên nhận mượn thêm tiền ngày 07/4/2024 AL số tiền 50.000.000 đồng, đã trả được 20.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng) nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

Thời hạn trả nợ: Bà H yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Bà H tự nguyện trả lại cho ông S và bà C Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 122, tờ bản đồ số 11, diện tích 1339,1m², đất chuyên trồng lúa nước, đất tại ấp D, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02587 ngày 31/12/2024 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp cho ông Đỗ Văn S kèm Trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí:

Ông S và bà C thuộc diện người cao tuổi nên không phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bà H thuộc diện người cao tuổi, không thuộc diện nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại tạm ứng.

[5] Quan điểm của đại diện Viên kiểm sát nhân dân khu vực B – Đồng Tháp là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các điều 35, 39, 91, 92, 147, 244, 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Lệ H.

Buộc ông Đỗ Văn S và bà Lương Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Lệ H số tiền 312.437.600 đồng (Trong đó số tiền vốn vay là 272.000.000 đồng và tiền lãi là 40.437.600 đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền 35.000.000 đồng, 5.000.000 đồng (Biên nhận tiền không có ghi ngày tháng năm), số tiền 30.000.000 đồng (biên nhận mượn thêm tiền ngày 07/4/2024 AL số tiền 50.000.000 đồng, đã trả được 20.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng) của bà Lê Thị Lệ H.

Ghi nhận việc bà Lê Thị Lệ H trả lại cho ông Đỗ Văn S và bà Lương Thị C Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 122, tờ bản đồ số 11, diện tích 1339,1m², đất chuyên trồng lúa nước, đất tại ấp D, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02587 ngày 31/12/2024 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp cho ông Đỗ Văn S kèm Trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

+ Ông S và bà C thuộc diện người cao tuổi nên không phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

+ Bà Lê Thị Lệ H thuộc diện người cao tuổi, được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nên không phải hoàn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

“Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kiều Oanh